

Số: /KL-TTTH

Thanh Hoá, ngày tháng 4 năm 2026

KẾT LUẬN

Thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa đối với trường THPT Lê Lai, tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 269/QĐ-TTTH ngày 16/01/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa đối với các trường THPT: Lê Lai, Tĩnh Gia 2 và Lê Văn Hưu, tỉnh Thanh Hóa.

Xét Báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra, kết quả thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra. Chánh Thanh tra tỉnh kết luận đối với trường THPT Lê Lai như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường THPT Lê Lai thuộc địa bàn xã Kiên Thọ (huyện Ngọc Lặc cũ) được thành lập theo Quyết định số 2539/1999/QĐ-UB ngày 11/11/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá (sau đây gọi chung là nhà trường); là đơn vị sự nghiệp công lập nằm trong hệ thống cơ sở giáo dục phổ thông. Thời điểm 31/12/2025, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường là 76 người, trong đó: 03 cán bộ quản lý, 69 giáo viên (09 lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP) và 4 hợp đồng trường. Từ năm học 2022 -2023, nhà trường duy trì có 06 tổ chuyên môn và 01 tổ hành chính. Trường THPT Lê Lai được phê duyệt mức độ tự chủ tài chính, là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3) theo Quyết định số 2584/2017/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện thu- chi tài chính, huy động xã hội hoá trong nhà trường

Trong các năm từ 2021-2025, Nhà trường đã tiếp nhận và triển khai các văn bản quy định của pháp luật¹; các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)² về công tác thu, chi tài chính trong lĩnh vực giáo dục.

¹ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý, học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GDĐT; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Nghị quyết 287/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh.

² Công văn số 2448/SGDĐT-KHTC ngày 10/8/2020 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách trong các trường học năm học 2020 – 2021; Công văn 1146/SGDĐT-KHTC ngày 05/05/2021 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021 của Bộ GDĐT; Công văn 2615/SGDĐT-KHTC ngày 21/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2021-2022; Công văn 2689/SGDĐT-KHTC ngày 27/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn giá dịch vụ trông giữ xe và dạy thêm, học thêm trong trường học năm học 2021-2022; Công văn 2516/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023.

Hiệu trưởng đã ban hành Quy chế làm việc của Ban giám hiệu³, phân công công tác cho các Phó Hiệu trưởng; ban hành Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản; Quy chế quản lý tài sản công; Quyết định công nhận Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS); kế hoạch các khoản thu chi tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ ... theo quy định làm cơ sở quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí.

Kiểm tra cho thấy:

Công tác tổ chức triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện có thời điểm còn chưa kịp thời. Đối với các khoản thu của Ban Đại diện CMHS, nguồn thu vận động tài trợ,... nội dung kế hoạch chưa xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phần căn cứ chưa đề dẫn đầy đủ các văn bản quy định. Nhà trường chưa thực hiện công khai cam kết về chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu, chi tài chính theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT.

2. Công tác quản lý thu, chi tài chính

2.1. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Hàng năm, Nhà trường đã ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ, nội dung cơ bản phù hợp theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, được thông qua trong các cuộc họp nhà trường đầu năm⁴.

Kiểm tra cho thấy:

- Về trình tự xây dựng: Nhà trường chưa gửi Dự thảo xin ý kiến cơ quan quản lý cấp trên trước khi ban hành; sau khi ban hành Quy chế không gửi cơ quan quản lý cấp trên (Sở GD&ĐT) theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính;

- Về căn cứ pháp lý: thiếu căn cứ văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Bộ Luật lao động năm 2019, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn⁵; một số căn cứ văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực, không còn phù hợp⁶;

- Về nội dung quy chế: từ năm 2021-2025, đơn vị chưa xây dựng, thống nhất và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ mức chi các khoản chi từ nguồn thu

³ Quyết định 236/QĐ-THPTLL ngày 23/8/2021 về việc ban hành quy chế làm việc của BGH.

⁴ Gồm: Quyết định số 01/QĐ-THPTLL ngày 02/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2021; Quyết định số 01/QĐ-THPTLL ngày 04/01/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2022; Quyết định số 02/QĐ-THPTLL ngày 03/01/2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2023; Quyết định số 02/QĐ-THPTLL ngày 03/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2024; Quyết định số 02/QĐ-THPTLL ngày 03/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2025.

⁵ - Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập; - Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; Thông tư liên tịch 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 Hướng dẫn chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

⁶ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ (hết hiệu lực từ 15/8/2021); Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Quyết định số 541/2008/QĐ-UBND ngày 10/03/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chế độ chi tiêu tiếp khách đến thăm và làm việc tại địa phương.

trông giữ xe, thu nước uống và thu học phẩm phục vụ thi, kiểm tra theo hướng dẫn hàng năm của Sở GD&ĐT⁷; chưa quy định việc trích lập và sử dụng các quỹ (Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ khác theo quy định của pháp luật - nếu có); chưa quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền trích lập các Quỹ của đơn vị hoặc các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, dịch vụ theo quy định; chưa quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

- Một số quy định chưa phù hợp như: thanh toán tiền dạy thêm giờ và trực lễ, tết theo mức chi khoán cố định là chưa phù hợp Điều 4 Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 và tại điểm c khoản 1 Điều 98 Bộ Luật Lao động.

2.2. Việc lập, phân bổ, giao dự toán và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao

Nhà trường căn cứ quy định Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2015; Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP; Thông tư 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính; đơn vị đã lập dự toán hàng năm và được Sở Tài chính thẩm định dự toán đối với các nguồn thu từ NSNN cấp, nguồn từ hoạt động sự nghiệp để có cơ sở thực hiện.

Kiểm tra cho thấy:

Chất lượng lập dự toán ở một số nội dung còn hạn chế, chưa sát với thực tế thực hiện (như kinh phí do NSNN cấp, kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh...); việc phân tích, dự báo các nguồn thu, nhiệm vụ chi chưa đầy đủ, dẫn đến trong quá trình thực hiện còn phải điều chỉnh, bổ sung.

2.3. Việc trích lập kinh phí cải cách tiền lương, các quỹ theo quy định

Trong thời kỳ thanh tra, nhà trường thực hiện trích lập kinh phí cải cách tiền lương và các quỹ tại đơn vị căn cứ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Hàng năm, sau khi xác định phân chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ, đơn vị cơ bản thực hiện phân phối kết quả tài chính trong năm và trích lập các quỹ.

Kiểm tra cho thấy:

Nguồn cải cách tiền lương: Tính đến thời điểm năm 2024 đơn vị còn trích thiếu nguồn cải cách tiền lương 191.600.000 đồng. Số kinh phí trích thiếu của năm 2024 đã được nhà trường trích bổ sung từ nguồn hoạt động sự nghiệp 2025 theo Quyết định số 165/QĐ-THPTLL ngày 31/12/2025.

⁷ Công văn số 2615/SGDĐT-KHTC ngày 21/9/2021; Công văn số 2516/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2022; Công văn số 2791/SGDĐT-KHTC ngày 11/9/2023; Công văn số 2671/SGDĐT-KHTC ngày 27/8/2024; Công văn số 3279/SGDĐT-KHTC ngày 09/9/2025.

Trích lập các quỹ: Từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi của phần ngân sách nhà nước cấp, đơn vị chưa thực hiện trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định; đồng thời, đối với nguồn chênh lệch thu, chi hoạt động sự nghiệp, đơn vị thực hiện trích lập các quỹ chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

2.4. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước

Nhà trường đã thực hiện kê khai, nộp các khoản nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định; cơ bản thực hiện đầy đủ các khoản thuế, phí, lệ phí phát sinh, đồng thời trích nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn cho cán bộ, viên chức, người lao động.

Trong thời kì thanh tra, nhà trường có phát sinh nguồn thu từ người gửi xe và đã được kê khai, nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu. Trong niên độ ngân sách năm 2025, đơn vị đã thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với các năm từ 2022 đến 2025, với tổng số tiền 107.744.716 đồng (*Trong đó: Thuế GTGT là 46.427.750 đồng, thuế TNDN là 46.427.750 đồng; tiền phạt nộp chậm thuế TNDN và TGTGT 14.889.216 đồng*).

Kiểm tra cho thấy:

Năm 2021, Nhà trường chưa thực hiện kê khai nghĩa vụ thuế theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC và Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, với tổng số tiền 13.533.000 đồng (*Trong đó: thuế GTGT 6.766.500 đồng, thuế TNDN 6.766.500 đồng*). Chánh Thanh tra đã ban hành Quyết định số 1066/QĐ-TTTH ngày 25/3/2026 thu hồi tiền vào tài khoản chờ xử lý tại Kho bạc, đơn vị đã nộp đủ số tiền trên.

3. Công tác nghiệp vụ kế toán, thực hiện công khai và báo cáo tài chính

3.1. Việc mở sổ sách kế toán, ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Trong thời kì thanh tra, Nhà trường áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán MISA trong công tác hạch toán kế toán. Kế toán của đơn vị đã thiết lập hệ thống sổ sách kế toán tương đối đầy đủ, lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cơ bản tuân thủ chế độ kế toán theo Luật Kế toán năm 2015; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính; đóng và lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định.

Kiểm tra cho thấy:

Công tác lập, kiểm tra chứng từ chi chưa chặt chẽ, còn trường hợp chứng từ thiếu ngày, tháng, chữ ký. Nhà trường đã mở sổ quỹ để theo dõi các khoản thu phục vụ học sinh (nước uống, học phẩm phục vụ thi, kiểm tra, sổ liên lạc điện tử); tuy nhiên, chưa thực hiện hạch toán, phản ánh đầy đủ các khoản thu này trên hệ thống sổ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính – đối với năm 2025).

3.2. Việc thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước

Nhà trường đã thực hiện các khoản chi từ nguồn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước theo quy định; các khoản chi cơ bản được kiểm soát trước, trong và sau thanh toán; hồ sơ, chứng từ thanh toán được lập tương đối đầy đủ, đảm bảo điều kiện kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Kiểm tra cho thấy:

Việc lập, hoàn thiện hồ sơ thanh toán có thời điểm chưa kịp thời, một số chứng từ chưa đảm bảo đầy đủ thành phần theo quy định; việc kiểm tra, rà soát hồ sơ trước khi gửi Kho bạc Nhà nước chưa chặt chẽ; tiến độ thanh toán một số khoản chi còn chậm⁸.

3.3. Việc lập, trình bày và nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, công khai tài chính

Nhà trường đã lập, trình bày và nộp hệ thống Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán cơ bản theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC và Thông tư 24/2024/TT-BTC; đúng chế độ và thời gian theo quy định của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Hàng năm, đơn vị đã thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính.

Nhà trường ban hành Quyết định và thực hiện công khai Dự toán ngân sách, phân bổ dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, công khai các khoản thu chi từ nguồn ngoài NSNN cấp hàng năm; công khai bổ sung dự toán ngân sách và giám dự toán ngân sách năm 2021, qua hình thức niêm yết tại bảng tin của đơn vị.

Kiểm tra cho thấy:

Hàng năm, Nhà trường chưa lập và công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; chưa công khai giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022, 2023, 2024, 2025⁹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

4. Thực hiện và quản lý thu, chi các khoản tài chính trong nhà trường

4.1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp

Nhà trường đã tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản thu ngân sách nhà nước cấp theo đúng thẩm quyền, cơ bản tuân thủ các quy định

⁸ Cụ thể: GRDT số 07 ngày 15/01/2025 chi mua văn phòng phẩm số tiền 47.470.000 đồng, hồ sơ thanh toán chưa có đề xuất mua sắm; GRDT số 04 ngày 22/01/2025, thanh toán phụ cấp giáo viên dạy thể dục từ 9/2024 – 01/2025 số tiền 46.792.000 đồng, đơn vị chưa thực hiện chi trả cùng với thời điểm chi trả tiền lương hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định 51/2012/QĐ-Ttg ngày 16/11/2012; GRDT số 059 ngày 19/6/2025, thanh toán tiền sửa điều hòa và quạt bị hỏng do bị sét đánh ngày 31/5/2025 số tiền 46.660.000 đồng, hồ sơ thanh toán thiếu biên bản xác nhận tình trạng hư hỏng thiết bị...

⁹ Thông báo bổ sung dự toán chi NSNN năm 2022 số 3124/STC-HCSN ngày 10/6/2022; Thông báo bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023 số 5771/TB-STC ngày 27/9/2023; Thông báo bổ sung dự toán chi NSNN năm 2024 số 3418/TB-STC ngày 21/6/2024; Thông báo bổ sung dự toán chi NSNN năm 2025 số 5265/STC-HCSN ngày 27/12/2025.

của pháp luật về ngân sách nhà nước; các khoản kinh phí được cấp được phản ánh vào sổ sách kế toán, theo dõi theo nguồn, mục lục ngân sách.

Kiểm tra cho thấy:

Nhà trường lập kế hoạch sử dụng kinh phí chưa sát với thực tế, dẫn đến tình trạng rút thừa kinh phí: Năm 2021, đơn vị rút thừa kinh phí phí cấp bù miễn giảm học phí 74.495.000 đồng (Sở Tài chính đã giảm dự toán chi thường xuyên năm 2022); năm 2022, rút thừa kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh 7.590.000 đồng (hỗ trợ chi phí học phí 1.900.000 đồng, hỗ trợ tiền ăn cho học sinh 5.690.000 đồng), đơn vị đã nộp trả vào ngân sách nhà nước (ngày 30/12/2023 nộp trả 1.900.000 đồng, ngày 25/10/2023 nộp trả 5.690.000 đồng); hết năm 2024, nhà trường chưa hủy dự toán kinh phí tiết kiệm tại Kho bạc 56.000.000 đồng, đơn vị đã chuyển nguồn sang năm 2025 và thực hiện hủy dự toán theo quy định.

Các chế độ, chính sách học sinh: Đối với chi phí học tập, đơn vị đã thực hiện chi trả đến hết tháng 12/2025 theo quy định; tuy nhiên, hồ sơ chưa đầy đủ. Đối với chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP (tiền ăn, nhà ở), đơn vị đã thực hiện chi trả đến hết tháng 5/2025; tuy nhiên thanh toán chưa đầy đủ chế độ, còn thiếu tổng số tiền 27.000.000 đồng, gồm: Học kỳ I (tháng 9-12/2024): tiền ăn 23.400.000 đồng, tiền nhà ở 3.600.000 đồng. Đối với chế độ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, từ tháng 9 đến tháng 12/2025, đơn vị chưa kịp thời thực hiện chi trả cho 29 học sinh theo Thông báo số 5347/TB-SGDĐT ngày 31/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa, với tổng số tiền 135.720.000 đồng (tiền nhà ở: 27.144.000 đồng; tiền ăn: 108.576.000 đồng).

Từ tháng 01/2023 đến tháng 01/2025, đơn vị thực hiện chi khoản công tác phí đối với một số chức danh thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng với mức tiền trên 500.000 đồng/người/tháng, chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Thanh Hóa, số tiền 127.000.000 đồng. Chánh Thanh tra đã ban hành Quyết định số 1071/QĐ-TTTH ngày 25/3/2026 thu hồi tiền vào tài khoản chờ xử lý tại Kho bạc; ngày 27/3/2026, đơn vị đã nộp đủ số tiền trên.

4.2. Các khoản thu theo quy định của Nhà nước

a) Học phí

Nhà trường đã triển khai thực hiện thu học phí trong các năm học, mức thu và định mức thu đảm bảo theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của HĐND tỉnh và Sở GD&ĐT. Việc quản lý, sử dụng học phí cơ bản đúng theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Tổng thu trong 5 năm: 1.391.248.000 đồng; tổng chi: 1.391.248.000 đồng.

Kiểm tra cho thấy:

Một số khoản chi từ nguồn thu học phí của Nhà trường chưa thực hiện kiểm soát qua Kho bạc Nhà nước theo quy định tại điểm 2 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; một số khoản chi đang thanh

toán bằng tiền mặt là không đúng quy định tại Điều 29 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018¹⁰.

b) Lệ phí tuyển sinh vào lớp 10

Hàng năm nhà trường thực hiện việc thu chi dịch vụ tuyển sinh, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thi nghề phổ thông theo hướng dẫn của HĐND tỉnh, Sở GD&ĐT.

Kiểm tra cho thấy:

Trong các năm từ 2021-2025, Nhà trường không lập kế hoạch, dự toán thu - chi lệ phí tuyển sinh, công tác tuyển sinh đồng thời với dự toán tài chính của đơn vị; các năm học 2020 -2021, 2021-2022, khoản thu chi từ nguồn thu lệ phí tuyển sinh chưa thực hiện kiểm soát qua Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Một số khoản chi thành phần hồ sơ chưa đầy đủ (thiếu chữ ký, hoặc ký nhận hộ....).

c) Bảo hiểm y tế học sinh

Hàng năm, cùng với các khoản thu khác nhà trường đã triển khai Công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT, hướng dẫn của BHXH tỉnh Thanh Hoá về đối tượng, mức đóng và phương thức đóng BHYT đối với học sinh ở các khối lớp. Nhà trường đã tổng hợp, lập danh sách học sinh tham gia đóng BHYT theo Hướng dẫn tại công văn số 59/BHXH-TCKT ngày 07/01/2019 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn trích, chuyển, thanh quyết toán kinh phí CSSKBD theo Điều 33, Điều 34 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018.

Kiểm tra cho thấy:

Nhà trường đang giao cho Bí thư Đoàn trường trực tiếp theo dõi và nộp tiền mua thẻ bảo hiểm y tế của học sinh cho cơ quan BHXH mà chưa thực hiện hạch toán và phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (năm 2025, thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính).

4.3. Các khoản thu dịch vụ, thu thỏa thuận trong nhà trường

a) Trông giữ phương tiện giao thông

Trong thời kì thanh tra, nhà trường đã tổ chức trông giữ xe cho học sinh, cán bộ, giáo viên trong khuôn viên đơn vị, việc trông giữ được thực hiện theo năm học. Mức thu được đơn vị áp dụng phù hợp với Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

Kiểm tra cho thấy:

Nhà trường thực hiện thanh toán các khoản chi từ nguồn thu trông giữ xe bằng tiền mặt là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Từ năm 2021 đến năm 2024, nhà trường thực hiện

¹⁰ Phiếu chi số PC 04, 05 ngày 18/5/2023; Phiếu chi số PC 04 ngày 20/10/2025....: Chưa thực hiện kiểm soát qua Kho bạc, thực hiện thanh toán bằng tiền mặt.

chi trả tiền công bảo vệ và chăm sóc cây cảnh hoàn toàn từ nguồn thu dịch vụ xe đạp là chưa đúng mục đích sử dụng nguồn thu dịch vụ theo quy định tại Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

b) Các khoản thu phục vụ học sinh: nước uống, sổ liên lạc điện tử, học phẩm

Trong thời kì thanh tra, đơn vị thực hiện mức thu tiền học phẩm phục vụ thi, kiểm tra; nước uống; sổ liên lạc điện tử của học sinh cơ bản theo quy định của Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh và hướng dẫn hàng năm của Sở GD&ĐT tỉnh về việc triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Đối với nguồn nước uống: Từ tháng 10/2022 đến hết tháng 12/2025, Nhà trường thu tiền của học sinh và tự cung cấp nước uống cho học sinh. Kinh phí thu được dùng để mua các trang thiết bị về thay thế hệ thống lọc nước, chi trả công cho cá nhân bà Phạm Thị Dung¹¹.

- Đối với nguồn thu học phẩm: Đơn vị đã lập chứng từ thu, chi và mở sổ theo dõi; nguồn thu này được đơn vị sử dụng mua giấy thi, nháp, in đề thi, và mua học phẩm phục vụ các kỳ thi.

- Tiền sổ liên lạc điện tử: Hàng năm, đơn vị thực hiện thu tiền sổ liên lạc điện tử đối với mỗi học sinh 1 lần vào đầu năm học; kí kết hợp đồng và thanh toán toàn bộ kinh phí thu được cho nhà cung cấp dịch vụ mạng và duy trì hệ thống mạng là VNPT Thanh Hóa.

Kiểm tra cho thấy:

Năm 2021, Nhà trường mua nước từ Công ty TNHH DVTM Hòa Bình và các cửa hàng kinh doanh trên địa bàn huyện Ngọc Lặc, một số hồ sơ còn thiếu thành phần (báo giá, biên bản giao nhận...).

Đối với nguồn thu học phẩm: Hồ sơ gốc làm căn cứ chi như kế hoạch dự kiến mua sắm, biên bản giao nhận, chứng từ mua hàng... chưa được lưu đầy đủ.

4.4. Các khoản thu từ dạy thêm, học thêm (DTHT)

Nhà trường đã triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT về DTHT, tổ chức quán triệt, phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh, phụ huynh học sinh về quy định DTHT; tổ chức cho cán bộ, giáo viên ký cam kết, ban hành kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho giáo viên dạy thêm phù hợp; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong DTHT theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

Về mức thu tiền học thêm trên nguyên tắc đảm bảo thu chi theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT; Hướng dẫn liên ngành số 702/HDLN- GDĐT-TC; Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Nhà trường đã thực hiện việc miễn giảm tiền học thêm cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách và gia đình khó khăn;... Hồ sơ tổ chức DTHT cơ bản thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

¹¹ HĐ giao khoán số 01-HĐGK ngày 01/09/2022; HĐ giao khoán số 03-HĐGK ngày 01/09/2023; HĐ giao khoán số 08-HĐGK ngày 03/01/2024; HĐ giao khoán số 16-HĐGK ngày 03/01/2025.

Kiểm tra cho thấy:

Nhà trường chưa đưa nội dung DTHT vào quy chế chi tiêu nội bộ, mà ban hành quy chế thu chi tiền DTHT trong nhà trường riêng là chưa đảm bảo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Quyết định số 2381/2012/QĐ-UBND¹². Nội dung tại các Quy chế thu chi tiền DTHT trong nhà trường hàng năm chưa cụ thể mức chi và thanh quyết toán các khoản chi.

Ghi chép sổ đầu bài của nhà trường chưa tốt, như ghi nội dung bài dạy, số lượng học sinh, số tiết dạy thực tế/buổi dạy, sử dụng ký hiệu, ghi tắt, tẩy xóa, chưa tổng hợp kết quả tiết dạy định kỳ hàng tuần, số lượng tiết dạy thêm ở sổ đầu bài không trùng khớp với số lượng tiết trong danh sách thu tiền,....

Nhà trường đang thanh toán tiền DTHT bằng tiền mặt cho giáo viên dạy thêm. Một số năm, việc trích quỹ bổ sung tăng cường cơ sở vật chất chưa đảm bảo theo quy định tại Hướng dẫn liên ngành số 702/HDLN- GDĐT-TC và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

4.5. Các khoản thu của tổ chức, đoàn thể liên quan đến học sinh

Giai đoạn 2021 - 2025, Nhà trường thực hiện thu: Quỹ Ban đại diện Cha mẹ học sinh (CMHS) trường, Quỹ Hội chữ thập đỏ, Quỹ đoàn thanh niên, Đoàn phí với mức thu đảm bảo theo hướng dẫn của các tổ chức, hội.

Việc thu, chi quỹ Ban đại diện CMHS cơ bản được thực hiện theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh; đã lập sổ sách, chứng từ theo dõi chi quỹ tiền mặt của hội. Hàng năm số thu đảm bảo cân đối số chi, năm học 2025 – 2026 không tổ chức thu quỹ Ban đại diện CMHS.

Việc thu, chi của Quỹ Hội chữ thập đỏ nhà trường có bản đã thực hiện theo Công văn số 211/CTĐTH-VP ngày 19/8/2019, Công văn số 286/CTĐTH-VP ngày 22/8/2023 của Hội chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa; Hội chữ thập đỏ nhà trường đã lập Sổ thu, chi quỹ tiền mặt, phiếu thu tiền có kèm theo danh sách nộp tiền của chi hội các lớp.

Đoàn trường đã thực hiện thu quỹ đoàn theo đúng theo Hướng dẫn liên ngành số 48-HD/LN ngày 10/9/2019 và Hướng dẫn số 96-HD/LN ngày 17/8/2022 của Sở GD&ĐT và Tỉnh đoàn Thanh Hóa; đã lập sổ quỹ tiền mặt, sổ thu quỹ đoàn, sổ trích quỹ đoàn.

Kiểm tra cho thấy:

Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của Ban đại diện CMHS nhà trường, chi hội các lớp chưa được lưu đầy đủ (kế hoạch chi từ Quỹ CMHS, báo cáo công khai quyết toán hàng năm) theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT.

Hội chữ thập đỏ nhà trường sử dụng con dấu của nhà trường trong hoạt động Hội là chưa phù hợp với Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Hướng dẫn số

¹² Quyết định số 2381/2012/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

43/HD-TUHCNĐ ngày 20/02/2023 của Trung ương Hội Chữ thập đỏ; Hội lập các chứng từ thu, chi nhưng tiêu đề của các chứng từ này đang đề là Trường THPT Lê Lai là chưa hợp lệ theo nguyên tắc về kế toán. Chưa lập phiếu thu Quỹ Hội chữ thập đỏ theo hướng dẫn tại Công văn số 211/CTĐTH-VP ngày 19/8/2019, Công văn số 286/CTĐTH-VP ngày 22/8/2023 của Hội chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa.

Đoàn trường chưa xây dựng kế hoạch thu, chi hằng năm, dẫn đến mất cân đối trong quản lý tài chính (giai đoạn 2021–2025, số dư quỹ tiền mặt bị âm). Kế hoạch thu, chi chưa được phê duyệt bởi Ban Giám hiệu theo quy định tại mục 4.3, phần II Hướng dẫn liên ngành số 48-HD/LN ngày 10/9/2019 và mục 4.3, phần III Hướng dẫn liên ngành số 96-HD/LN ngày 17/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh đoàn Thanh Hóa. Bên cạnh đó, chứng từ chi chưa đảm bảo tính chặt chẽ, còn thiếu các thông tin như ngày, tháng và chữ ký của người lập.

4.6. Các khoản thu từ vận động xã hội hóa giáo dục

Trong giai đoạn từ 2021-2025, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch vận động nguồn xã hội hoá kèm theo dự toán kinh phí trình Sở GD&ĐT thẩm định; sau khi được Sở GD&ĐT chấp thuận chủ trương, nhà trường đã thành lập Tổ tiếp nhận vận động đảm bảo đầy đủ thành phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT. Việc quản lý nguồn kinh phí tài trợ cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT và văn bản phê duyệt chủ trương hàng năm của Sở GD&ĐT.

Năm 2022, Nhà trường đã nhận bàn giao tài sản tài trợ từ Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nhân Văn, gồm: Sân bóng cỏ nhân tạo, biển hiệu, bể bơi. Quy trình bàn giao, tiếp nhận đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường đã thực hiện công khai đối với kế hoạch vận động nguồn xã hội hoá và quyết toán thu chi tài chính hàng năm đến toàn thể cán bộ, giáo viên thông qua các hội nghị định kỳ; đồng thời báo cáo Sở GD&ĐT kết quả thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018; Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT.

Kiểm tra cho thấy:

Nhà trường thành lập Tổ tiếp nhận nguồn xã hội hoá nhưng vẫn giao giáo viên chủ nhiệm các lớp trực tiếp thu nguồn xã hội hoá và áp dụng mức đóng góp bình quân (trừ các trường hợp gia đình có hai con học cùng trường) là chưa đảm bảo nguyên tắc vận động, quản lý và sử dụng tài trợ theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT.

Việc lập kế hoạch chưa căn cứ sát nhu cầu thực tế, gây đọng vốn và chưa tối ưu hóa được nguồn lực huy động. Việc hạch toán thu, chi nguồn xã hội hoá chưa đảm bảo về nghiệp vụ, các nguyên tắc kế toán cơ bản theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính.

Đối với các gói thầu công trình xây lắp, mua sắm hàng hoá từ nguồn xã hội hoá: Nhà trường chưa đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu năm 2013¹³ và Khoản 1 Điều 7 Luật Đấu thầu năm 2023¹⁴. Một số gói thầu công trình xây lắp, Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật Đấu thầu (Luật số 43/2013/QH13 và Luật số 22/2023/QH15)¹⁵.

Chưa đưa công trình tài trợ vào sổ theo dõi, quản lý tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; chưa lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

Chưa công bố và niêm yết công khai kế hoạch sử dụng tài trợ sau khi được phê duyệt là không đảm bảo quy trình sử dụng tài trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT. Trong báo cáo Quyết toán từ năm 2021-2025 mới có số liệu tài chính, chưa có nội dung chi cụ thể đối với nguồn vận động xã hội hoá theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT. Nhà trường thực hiện hỗ trợ từ nguồn thu xã hội hóa cho giáo viên chủ nhiệm làm công tác vận động là chưa đảm bảo quy định về nội dung chi và quản lý nguồn thu tài trợ theo khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Ưu điểm, kết quả đạt được

Trong các năm từ 2021-2025, Nhà trường đã tiếp nhận và triển khai các văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính, Sở GD&ĐT; ban hành các văn bản để triển khai thực hiện các khoản thu ngân sách, ngoài ngân sách, hoạt động các đoàn thể, vận động xã hội hoá nhằm tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trường học; cơ bản đã lập dự toán thu- chi tài chính và hạch toán kế toán theo quy định; thực hiện chi trả kịp thời chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ, viên chức, người lao động; cơ bản thực hiện việc trích lập các loại Quỹ, thực hiện đảm bảo theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

1.2. Những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm

a) Về công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện thu chi tài chính, huy động xã hội hoá

¹³ Gồm hạng mục công trình: xây công phụ, đổ bê tông và làm biển hiệu; Chi di chuyển đường điện 35KV; xây dựng mái che bể bơi thời điểm trước năm 2024;

¹⁴ Gồm hạng mục: Mua ti vi cho các lớp; xây dựng dự án láng nền sân trường thời điểm năm 2024.

¹⁵ Năm 2022-2023, gồm: Di dời đường điện khu vực sân bóng, bể bơi; Làm mái che bể bơi. Năm học 2024-2025: Láng nền sân trường và sơn lại trong phòng nhà lớp học 2 tầng.

Công tác tổ chức triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện còn chưa kịp thời, các khoản thu của Ban Đại diện CMHS, nguồn thu vận động tài trợ,... nội dung kế hoạch chưa xác định rõ mục tiêu, đối tượng.

Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ còn hạn chế, thiếu các căn cứ văn bản quy phạm pháp luật, chưa quy định mức chi các khoản chi từ các nguồn thu; chưa quy định việc trích lập và sử dụng các quỹ; một số quy định thanh toán dạy thêm giờ, khoán công tác phí... chưa phù hợp.

b) Công tác quản lý thu chi, nghiệp vụ kế toán tài chính

Chất lượng lập dự toán còn hạn chế, chưa sát với thực tế thực hiện; công tác theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự toán có thời điểm chưa kịp thời. Việc trích lập kinh phí cải cách tiền lương chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

Năm 2021, Nhà trường chưa thực hiện kê khai nghĩa vụ thuế theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC và Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, với tổng số tiền 13.533.000 đồng. Chánh Thanh tra tỉnh đã ban hành Quyết định thu hồi số tiền trên, nhà trường đã nộp đủ.

Công tác nghiệp vụ kế toán còn nhiều hạn chế: việc lập, hoàn thiện hồ sơ thanh toán có thời điểm chưa kịp thời, một số chứng từ chưa đảm bảo đầy đủ thành phần theo quy định; việc kiểm tra, rà soát hồ sơ trước khi gửi Kho bạc Nhà nước chưa chặt chẽ; tiến độ thanh toán một số khoản chi còn chậm; chưa thực hiện hạch toán, phản ánh đầy đủ một số khoản thu phục vụ học sinh trên hệ thống sổ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Việc lập báo cáo tự kiểm tra tài chính, kế toán; công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước còn chưa đảm bảo theo quy định; chưa công khai giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022, 2023, 2024, 2025 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

c) Thực hiện và quản lý thu chi các khoản tài chính trong nhà trường

Đối với các khoản thu nguồn NSNN: Nhà trường lập kế hoạch sử dụng kinh phí chưa sát với thực tế, dẫn đến rút thừa kinh phí. Các chế độ, chính sách học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP (tiền ăn, nhà ở) thanh toán chưa kịp thời; chế độ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, từ tháng 9 đến tháng 12/2025 chưa kịp thời chi trả cho 29 học sinh. Từ tháng 01/2023 đến tháng 01/2025, nhà trường thực hiện chi khoán công tác phí đối với một số chức danh không đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thanh Hóa, số tiền chi vượt mức quy định là 127.000.000 đồng; thời điểm thanh tra, nhà trường đã thu hồi nộp đủ theo Quyết định của Chánh Thanh tra tỉnh.

Một số khoản chi từ nguồn thu học phí của Nhà trường chưa thực hiện kiểm soát qua Kho bạc Nhà nước theo quy định tại điểm 2 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; một số khoản chi đang thanh toán bằng tiền mặt là không đúng quy định tại Điều 29 Luật Phòng, chống tham

những năm 2018; một số chứng từ thu, chi chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Từ năm 2021 đến 2024, nhà trường thực hiện chi trả tiền công bảo vệ và chăm sóc cây cảnh hoàn toàn từ nguồn thu dịch vụ xe đạp là chưa đúng mục đích sử dụng nguồn thu dịch vụ theo quy định tại Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

Đối với nguồn thu học phẩm, hồ sơ gốc làm căn cứ chi chưa được lưu đầy đủ. Kinh phí mua thẻ BHYT học sinh chưa được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC, số 24/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tại một số lớp, ghi chép DTHT còn hạn chế như sổ đầu bài ghi chưa đầy đủ, chưa trùng khớp với danh sách thu tiền dạy thêm; còn thanh toán tiền DTHT bằng tiền mặt cho giáo viên; một số năm, tỷ lệ trích quỹ bổ sung tăng cường CSVN chưa đảm bảo theo quy định.

Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của Ban đại diện CMHS chưa được lưu đầy đủ; Hội Chữ thập đỏ nhà trường sử dụng con dấu của nhà trường trong hoạt động Hội là chưa phù hợp với Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Hướng dẫn của Trung ương Hội Chữ thập đỏ; lập các chứng từ thu, chi đang đề là Trường THPT Lê Lai là chưa hợp lệ theo nguyên tắc về kế toán. Công tác quản lý, sử dụng Quỹ đoàn Thanh niên chưa đảm bảo nguyên tắc cân đối thu chi dẫn đến chi vượt số dư quỹ; các chứng từ chi chưa chặt chẽ theo nguyên tắc tài chính hiện hành.

d) Về hoạt động huy động xã hội hoá

Nhà trường giao giáo viên chủ nhiệm thu và áp dụng mức huy động bình quân là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT. Việc lập kế hoạch chưa căn cứ sát nhu cầu thực tế, chưa tối ưu hóa được nguồn lực huy động. Việc hạch toán thu, chi nguồn xã hội hóa chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính.

Các gói thầu công trình xây lắp, mua sắm hàng hoá, Nhà trường chưa đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Luật Đấu thầu năm 2013 và Luật Đấu thầu năm 2023. Một số gói thầu công trình xây lắp chưa thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014. Chưa đưa công trình tài trợ vào sổ theo dõi, quản lý tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; chưa lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Chưa công bố và niêm yết công khai kế hoạch sử dụng tài trợ sau khi được phê duyệt; thực hiện hỗ trợ từ nguồn thu xã hội hóa cho giáo viên chủ nhiệm làm công tác vận động là chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT.

1.3. Trách nhiệm đối với hạn chế, khuyết điểm, vi phạm

Trách nhiệm với những tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trên thuộc về Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được giao phụ trách các lĩnh vực được phân công; Kế toán nhà trường trong công tác tham mưu quản lý tài chính, thực hiện nghiệp vụ tài chính kế toán; các bộ phận, cá nhân trong nhà trường đã tham mưu, đề xuất thực hiện có các nội dung vi phạm.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Trường THPT Lê Lai

- Tiến hành kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến khuyết điểm, vi phạm; đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời những khuyết điểm, vi phạm đã chỉ ra trong kết luận thanh tra.

- Khẩn trương xây dựng kế hoạch khắc phục các tồn tại, hạn chế, vi phạm đã chỉ ra trong kết luận thanh tra.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; chấp hành nghiêm túc nguyên tắc, nghiệp vụ kế toán; thanh toán các khoản chế độ, phụ cấp đúng quy định; trích lập, sử dụng các quỹ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; hạch toán, phản ánh đầy đủ các khoản thu trong nhà trường; chấn chỉnh công tác thu chi của các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường.

- Rà soát kinh phí chi chế độ chính sách cho học sinh, đề xuất Sở GD&ĐT để thực hiện cấp kịp thời, đầy đủ.

- Thực hiện vận động, quản lý và sử dụng nguồn tài trợ đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện quy trình mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cơ sở vật chất trường học đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo trường THPT Lê Lai, khẩn trương xây dựng kế hoạch, thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh; đồng thời xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý của Giám đốc Sở.

- Tăng cường hướng dẫn, công tác quyết toán kinh phí, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động thu chi tài chính; vận động xã hội hoá nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục tại nhà trường.

2.3. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh

Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo Sở GD&ĐT yêu cầu trường THPT Lê Lai thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện với Sở GD&ĐT và Thanh tra tỉnh trước ngày 28/4/2026 để theo dõi, xử lý sau thanh tra.

3. Thực hiện kết luận và công khai kết luận thanh tra

Việc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 54; công khai Kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025: Công khai trước đối tượng thanh tra và công khai trên cổng thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Chánh Thanh tra tỉnh (để b/c);
- Ban Nội chính TƯ (để p/h);
- UBKT Tỉnh ủy (để p/h);
- Sở GD&ĐT (để p/h);
- Trường THPT Lê Lai (để t/h);
- Phòng NV 5 (để theo dõi);
- Phòng NV 9 (để xử lý STT);
- Lưu: VT, ĐTT.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Phạm Xuân Dũng

PHỤ LỤC I**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ**
(Ban hành kèm theo Kết luận số /KL-TTTH ngày /4/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP					
1	Tổng thu	11.722.060	12.117.129	11.576.093	16.544.898	21.403.078
-	KP giao tự chủ	10.235.000	10.332.000	10.797.863	13.585.124	18.218.645
-	KP giao không tự chủ	1.487.060	1.785.129	778.230	2.959.774	3.184.433
2	Tổng chi	11.547.883	11.184.668	11.575.017	16.204.939	21.251.622
3	Dự toán còn lại	174.177	932.461	1.076,2	339.959	151.456
-	KP hủy dự toán	139.407	932.461	1.076	283.959	151.456
-	KP chuyển nguồn	34.770	-	-	56.000	-
II	TRÍCH LẬP CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC QUỸ					
1	Cải cách tiền lương					
-	Số đã trích năm trước	100.105,2	229.612	-	-	191.600
-	Số phải trích trong năm	129.506,8	-	110.977,53	191.600	348.640
-	Đã trích	95.000	62.750,5	-	-	540.240
-	Còn lại phải trích	134.612	166.861,5	110.977,53	191.600	-
2	Quỹ Phát triển Hoạt động sự nghiệp					
-	Dư đầu kỳ	30.000	30.000	30.000	30.000	-730
-	Thu	-	15.000	-	-	300.000
-	Chi	-	15.000	-	30.730	291.000
-	Tồn cuối kỳ	30.000	30.000	30.000	-730	8.270
3	Quỹ Phúc lợi					
-	Dư đầu kỳ	8.227	4.677	21.571	5.407	14.022
-	Thu	344.280	250.000	313.000	260.000	325.000
-	Chi	347.830	233.106	329.164	251.385	316.450
-	Tồn cuối kỳ	4.677	21.571	5.407	14.022	22.572
4	Quỹ Khen thưởng					
-	Dư đầu kỳ	-	-	-	952	8
-	Thu	-	15.000	30.000	219.952	260.000
-	Chi	-	15.000	29.048	220.896	244.100
-	Tồn cuối kỳ	-	-	952	8	15.908

PHỤ LỤC II**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN THU, CHI THEO QUY ĐỊNH, THU KHÁC***(Ban hành kèm theo Kết luận số /KL-TTTH ngày /4/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Thanh Hoá)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Học phí					
-	Dư đầu kỳ	-	-	740	2.710	-
-	Số thu	262.510	375.400	263.096	304.077	213.710
-	Số chi	262.510	374.660	261.126	306.787	211.314
-	Tồn cuối kỳ	-	740	2.710	-	2.396
2	Trông giữ phương tiện giao thông					
-	Dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
-	Số thu	135.330	46.800	78.000	88.269	907.985
-	Số chi	135.330	46.800	78.000	88.269	869.539
-	Tồn cuối kỳ	-	-	-	-	38.446
3	Dạy thêm, học thêm					
-	Dư đầu kỳ	-	40.400	- 66.863	- 57.577	7.835
-	Số thu	2.391.660	2.686.090	2.715.370	2.988.448	391.141
-	Số chi	2.351.260	2.793.353	2.706.084	2.923.036	391.141
-	Tồn cuối kỳ	40.400	- 66.863	- 57.577	7.835	7.835
4	Phí, lệ phí					
-	Dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
-	Số thu	103.545	106.390	115.720	130.371	136.726
-	Số chi	103.545	106.390	115.720	130.371	136.726
-	Tồn cuối kỳ	-	-	-	-	-
5	Bảo hiểm y tế học sinh					
-	Dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
-	Số thu	69.182,190	210.972,825	259.717,815	271.196,100	462.277,530
-	Số chi	69.182,190	210.972,825	259.717,815	271.196,100	462.277,530
-	Tồn cuối kỳ	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC III**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH***(Ban hành kèm theo Kết luận số /KL-TTTH ngày /4/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Thanh Hoá)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	CÁC KHOẢN THU, CHI DỊCH VỤ					
1	Học phẩm, giấy thi					
-	Dư đầu kỳ	-	8.841	38.428	36.180	31.967
-	Số thu	131.061	84.440	89.440	103.572	109.956
-	Số chi	122.220	54.853	91.688	107.785	31.715
-	Tồn cuối kỳ	8.841	38.428	36.180	31.967	110.208
2	Nước uống					
-	Dư đầu kỳ	-	20.414	41.310	73.626	126.304
-	Số thu	53.354	94.995	120.852	132.672	141.372
-	Số chi	32.940	74.099,5	88.536	79.994	62.578
-	Tồn cuối kỳ	20.414	41.310	73.626	126.304	205.099
3	Sổ liên lạc điện tử					
-	Dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
-	Số thu	61.860	63.350	67.560	75.000	66.450
-	Số chi	61.860	63.350	67.560	75.000	66.450
-	Tồn cuối kỳ	-	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN THU, CHI TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ					
1	Quỹ Ban đại diện Cha mẹ học sinh					
-	Dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
-	Số thu	29.400	82.421	92.350	98.145	119.350
-	Số chi	29.400	82.421	92.350	98.145	119.350
-	Tồn cuối kỳ	-	-	-	-	-
2	Quỹ Hội chữ thập đỏ					
-	Dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
-	Số thu	35.800	32.999	32.456	35.264	40.867
-	Số chi	35.800	32.999	32.456	35.264	38.219
-	Tồn cuối kỳ	-	-	-	-	2.648
3	Quỹ Đoàn thanh niên					
-	Dư đầu kỳ	-	- 4.348	- 9.285	- 11.517	- 17.871
-	Số thu	46.038	47.826	52.668	54.246	55.728
-	Số chi	50.386	52.763	54.900	60.600	42.371
-	Tồn cuối kỳ	- 4.348	- 9.285	- 11.517	- 17.871	- 4.514
4	Xã hội hóa giáo dục					
-	Dư đầu kỳ	-	-	81.822,275	89.256,275	261.676,275
-	Số thu	200.915	258.150,000	277.695,000	300.000,000	-
-	Số chi	200.915	76.327,725	270.261,000	127.580,000	227.731,000
-	Tồn cuối kỳ	-	81.822,275	89.256,275	261.676,275	33.945,500